

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ĐỢT 1 Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Xuân Phương.

1.2 Địa chỉ: KĐT Xuân Phương- Phường Xuân Phương – Quận Nam Từ Liêm – TP Hà Nội

Điện thoại: 024.32011527

Địa chỉ thư điện tử: c3xuanphuong@hanoiedu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://thptntxuanphuong.edu.vn>

1.3 Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường trung học phổ thông công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Thuộc quốc gia: Việt Nam

1.4 Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- **Sứ mệnh:** Trường THPT Xuân Phương cam kết xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, nề nếp và kỷ cương, nơi giáo viên được trao cơ hội phát triển bản thân và học sinh được nuôi dưỡng để phát triển toàn diện, trở thành công dân toàn cầu có trách nhiệm.

- **Tầm nhìn:** Trường THPT Xuân Phương là trường THPT công lập có chất lượng tốt của ngành giáo dục Thủ đô, là nơi học sinh lựa chọn để học tập và phát triển bản thân.

- **Mục tiêu:**

Giai đoạn 2025-2030, xây dựng phát triển trường THPT Xuân Phương trở thành trường chất lượng trong топ đầu của ngành giáo dục Thủ đô, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đáp ứng các tiêu chí quan trọng trong việc xây dựng môi trường học tập mở và hội nhập quốc tế.

- Tầm nhìn 2035 là trường học nằm trong top 10 trường THPT công lập có uy tín nhất của Thủ đô Hà Nội, chuyển đổi đơn vị thành trường đạt tiêu chí chất lượng cao theo Quyết định của UBND Thành phố.

1.5 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Xuân Phương được thành lập theo Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND Thành phố Hà Nội. Theo đó, trường THPT Xuân Phương là trường THPT công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội. Năm học 2024-2025 là năm học thứ 7 của Nhà trường. Tuy mới được thành lập 8 năm nhưng nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, trường đã phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Năm học đầu tiên (năm 2018) Nhà trường chỉ có 15 lớp với 632 học sinh đến nay khi bước sang năm học thứ 7 trường đã có 46 lớp với tổng số 2075 học sinh. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã từng bước được kiện toàn, đáp ứng đầy đủ cả về số lượng và chất lượng

08 năm - chặng đường phát triển đầy tự hào của các thế hệ thầy và trò Trường THPT Xuân Phương là nền tảng vững chắc, là niềm tin, hy vọng, thấp lửa cho những truyền thống hào hùng, những ước mơ, hoài bão cho các thế hệ học sinh.

1.6 Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Đoàn Minh Châu

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Xuân Phương

Số điện thoại: 0912.141.269

Địa chỉ thư điện tử: minhchaudoan00@gmail.com

1.7 Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục: Trường THPT Xuân Phương được thành lập 2018.
- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
 - Quyết định số 26/QĐ-SGDĐT ngày 8/1/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc điều động và bổ nhiệm đồng chí Đoàn Minh Châu giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Xuân Phương.
 - Quyết định số 279/QĐ-SGDĐT ngày 17/2/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc bổ nhiệm lại đồng chí Trần Thị Minh Tuyết giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Xuân Phương.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục.

❖ **Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:**

A Nguyên tắc chung:

- Trường THPT Xuân Phương làm việc theo chế độ thủ trưởng là Hiệu trưởng nhà trường. Trong trường gồm có Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn công tác. Dưới sự chỉ đạo thống nhất của Hiệu trưởng, các tổ chuyên môn là những đơn vị quản lý hành chính, chuyên môn, nghiệp vụ giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện và kiểm tra các mặt công tác theo kế hoạch đã được duyệt.
- Trường THPT Xuân Phương làm việc theo quy trình kế hoạch công tác của cả năm học, được nêu cụ thể ở kế hoạch từng tháng, từng học kỳ dựa trên cơ sở biên chế năm học và quy trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
- Việc giao nhiệm vụ cho các tổ chuyên môn, cho từng giáo viên, cán bộ, nhân viên dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, tập thể và đặc thù công việc của nhà trường. Mỗi tổ chuyên môn, cá nhân phải tự nghiên cứu kỹ nội dung và yêu cầu của công tác được giao, lập kế hoạch và giải pháp thực hiện để đạt kết quả cao nhất.

A. Tổ chức bộ máy bao gồm:

- Hội đồng trường
- Ban giám hiệu (01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng)
- Hội đồng thi đua khen thưởng
- Hội đồng kỷ luật
- Hội đồng tư vấn
- Đảng bộ
- Tổ chức Công đoàn
- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
- Chi đoàn giáo viên
- 7 tổ chuyên môn (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ - Tin học, Xã hội, Hóa Sinh, Vật lý – GDQP – KTCN; Tổ văn phòng
- Biên chế lớp học: 46 lớp

- Các ban: Thanh tra nhân dân; văn nghệ, thể dục thể thao; đại diện cha mẹ học sinh; Chi hội Chữ thập Đỏ.

A Nhiệm vụ và trách nhiệm của lãnh đạo:

1. Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại điều 9; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.
2. Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện.
3. Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.
4. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quy định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.
5. Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
6. Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ; quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.
7. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường.
8. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.
9. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật.

Sinh hoạt chuyên môn với nhóm Hóa; Dạy 2 tiết/tuần.

10. Chủ tịch các Hội đồng của nhà trường: Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng khoa học, Hội đồng lương của trường và một số Hội đồng khác.

11. Trưởng các Ban chỉ đạo (BCĐ) của nhà trường: BCĐ cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, BCĐ thực hiện “Quy chế dân chủ tại cơ sở”, BCĐ xây dựng “Nhà trường văn hóa - Nhà giáo mẫu mực - Học sinh thanh lịch”, BCĐ cải cách hành chính, BCĐ chống tham nhũng và một số BCĐ khác của trường.

12. Tiếp nhận và xử lý các văn bản chỉ đạo, yêu cầu báo cáo của các phòng ban thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội liên quan đến các nội dung phụ trách gồm: Phòng tổ chức cán bộ, phòng kế hoạch – tài chính.

13. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1 Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo năm học 2024 - 2025:

TT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			TD trước ND 116 và TD theo ND 116 (BC, HĐ làm việc ban đầu, HĐ làm việc có thời hạn, HĐ làm việc không thời hạn)	Các HĐ khác (HĐ làm việc, HĐ vụ việc, ngắn hạn, TG, HĐ theo ND III)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	TS GV, CB QL và NV	70	70	5		50	21	1	2	1	
II	CB quản lý	2	2								
1	Hiệu trưởng	1	1		1						
2	Phó HT	1	1		1						
I	Giáo viên	64	64								
	Trong đó số GV dạy môn:										
1	Toán	10	10	1		10	1				
2	Lý	6	6			4	2				
3	Hóa	7	7			6	1				
4	Sinh	4	4			3	1				

III	Nhân viên																
1	NV văn thư	1	1							1							
2	NV kế toán	1							1								
3	Thủ quỹ	1	1							1							
4	NV y tế	1							1					1			
5	NV thư viện	1	1											1			
6	Thiết bị	1	1							1							
7	Bảo vệ	2							2						1	1	
8	Phục vụ																
9	Khác																

2.2 Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định:

Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2024 - 2025

STT	Chức danh	Số viên chức được đánh giá	Mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ				Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	

1	Viên chức là cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở	1			1			
2	Viên chức là cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở	1	1					
3	Viên chức không giữ chức vụ quản lý (Giáo viên; Nhân viên: văn thư, thủ quỹ, kế toán, y tế, thiết bị, thư viện)	68	13		55			
	Cộng:	70	14		56			

2.3 Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

Kết quả hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024 – 2025

STT	Chức danh	Số viên chức được đánh giá	Mức độ hoàn thành		Ghi chú
			Hoàn thành	Không Hoàn thành	
1	Viên chức là cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở	1	1		

2	Viên chức là cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở	1	1		
3	Viên chức không giữ chức vụ quản lý (Giáo viên; Nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán, y tế, thiết bị, thư viện)	68	68		
	Cộng:	70	70		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2024- 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học	30	0.815
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố (56m2/ph x30 ph : 2082 hs)	30	0.815
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	8	0,196
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	45/30	
8	Bình quân học sinh/lớp	45,7	1,20
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	13026	6.56
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1.150	0,55
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1680	0,81
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	380	0,10
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	75	0,21
4	Diện tích thư viện (m ²)	120	0,05
5	Diện tích nhà tập đa năng rèn luyện thể chất (m ²)	284	0,44
6	Diện tích phòng hoạt đoàn đội, truyền thống (m ²)	80	0.03
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	2	
2.2	Khối lớp 11	2	
2.3	Khối lớp 12	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung		Số thiết bị /lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	36	
5	Thiết bị khác		
STT	Nội dung	Số lượng (m²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ Diện tích bình quân /chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XIII	Khu nội trú	0	
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng	Dùng cho học sinh
			Số m²/học sinh

		cho giáo viên	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

3

STT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THPT Xuân Phương đạt kiểm định chất lượng giáo dục (Cấp độ 2) theo Quyết định số 45/QĐ-SGDĐT ngày 17/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc cấp chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 4255/QĐ-UBND, ngày 21/9/2020 của UBND Thành phố Hà Nội.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Nhà trường đã triển khai xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục. Kết quả xếp loại của học sinh về học tập, học lực và rèn luyện, hạnh kiểm trong 5 năm trở lại đây có chuyển biến tích cực năm học sau cao hơn năm học trước.

Năm 2025 nhà trường đã thực hiện rà soát, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng theo yêu cầu cấp học. Tổ chức Tự đánh giá và đăng ký thực hiện đánh giá ngoài để công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2025- 2030

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

5.1 Kết quả tuyển sinh năm học 2024 - 2025

Số lớp	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	NV1 (hs)	NV2 (hs)	NV3 (hs)	Tổng số đã xác nhận nhập học	Tổng số hồ sơ đã nhận	So với chỉ tiêu		Ghi chú
								Thừa	Thiếu	
15	675	37.25	448	226	02	676	676	1	0	

5.2 Tổng hợp số lượng học sinh năm học 2024-2025

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Sĩ số bình quân /lớp	Số HS Nam		Số HS Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách		Chuyển trường	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	Ch. đi	Ch. đến
10	675	15	45	338	50.1	337	49.9	09	1.3	03	0.4	01	0.1			16	15
11	729	16	45	361	49.5	368	50.5	07	1.0	04	0.5	01	0.1			10	16
12	671	15	45	350	52.2	321	47.8	05	0.7	02	0.3	01	0.1			01	0
Tổng	2075	46	45	1049	50.6	1026	49.4	21	1.0	09	0.4	03	0.1			27	31

5.3 Thông tin chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			10	11	12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	2075	666	718	666
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	98.8%	98.67%	98.49%	99.25%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1.2%	1.33%	1.51%	0.75%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2075	675	729	671
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	76.39%	68.69%	75.17%	85.39%
2	- Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23.52%	30.96%	24.69%	14.61%
3	- Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.1%	0.15%	0.14%	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	4.87%	2.67%	4.39%	7.6%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	71.42%	66.07%	70.51%	77.79%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/ đi	30/24	14/14	15/10	1/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải qua các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp Quận	74			

2	Cấp Thành phố	8			8
3	Cấp Quốc gia, Quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp năm 2025				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp năm 2024				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng năm 2024 (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập năm 2024 (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ				
X	Số học sinh dân tộc thiểu số				

5.4 Các thành tích học sinh đạt được trong năm học 2024-2025

Năm học	Tổng số học sinh	HSG cấp Cụm	HSG cấp TP	Giải vô địch Taekondo	Thể thao cấp Cụm	Thể thao cấp TP	Tốt nghiệp
2022 - 2023	1962	75	11	-	5	1	100%
2023 - 2024	2054	107	9	-	39	12	100%
2024 - 2025	2075	74	8	HCV	0	-	

Năm học	Tổng số HS	Học lực Khá – Giỏi	Rèn luyện Tốt	Học sinh 3 tốt	Kết nạp Đảng
2022 - 2023	1962	85,4%	96,3%	2	2
2023 - 2024	2054	87%	98,6%	2	2
2024- 2025	2075	90,47%	100%	2	2

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục

- Nhà trường là đơn vị được Nhà nước cấp ngân sách theo hình thức đặt hàng giáo dục và đảm bảo tự chủ một phần;
- Giá dịch vụ đặt hàng là: 11.349.000đ/ 1 học sinh;
- Việc sử dụng, quản lý ngân sách được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, chi tiêu theo mục lục ngân sách. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định 43/NĐ-CP của Chính phủ làm căn cứ thực hiện thu -chi;
- Ngân sách cấp cơ bản đủ cho việc chi lương và các khoản BHXH nộp theo lương, ngoài ra nguồn thu học phí chi hỗ trợ thêm cho các hoạt động chi thường xuyên và các hoạt động khác của nhà trường;
- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

- Trường THPT Xuân Phương là đơn vị sự nghiệp có thu, nhà trường luôn thực hiện công khai các khoản thu chi tài chính theo quy định.

6.2 Học phí và các khoản thu khác từ người học

- Mức thu học phí và các khoản thu khác nhà trường thực hiện theo đúng quy định, nhà trường thực hiện chế độ miễn giảm cho các đối tượng học sinh theo đúng quy định hiện hành;
- Các khoản thu hộ như BHYT, thu hoạt động của đoàn thanh niên theo các văn bản liên tịch giữa các ngành.
- Khoản thu BH thân thể theo tự nguyện của Phụ huynh.
- Không có các khoản thu ngoài quy định.

6.3 Các khoản chi theo từng năm học

- Các khoản chi lương: Các khoản chi lương, phụ cấp làm đêm, chủ nhật...theo quy định của Nhà nước.
- Chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài, chi thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng... theo các văn bản hướng dẫn và Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.
- Chi hợp đồng một số công việc thực hiện theo thoả thuận
- Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý theo hệ số lương (mức cao nhất khoảng 22 triệu đồng; bình quân khoảng 12.5 triệu đồng và thấp nhất khoảng 5.1 triệu đồng/tháng);
- Mức chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị theo khả năng tài chính của trường.

6.4 Chính sách và kết quả thực hiện chính sách

- Hàng năm có thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội (con thương binh, bệnh binh, người mất sức lao động, con hộ nghèo...)
- Thực hiện chi hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng học sinh theo đúng quy định hiện hành.

Kết quả kiểm toán (nếu có):

- Hàng quý nhà trường có các báo cáo thực hiện gửi phòng kế hoạch tài chính của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

- Nhà trường thực hiện đúng chế độ kiểm tra, duyệt quyết toán tài chính hàng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, thực hiện công khai kết quả phê duyệt quyết toán của cấp trên theo đúng Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính; Hàng năm kết quả kiểm tra, thanh quyết toán đều được xếp loại tốt.
- Sẽ thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐCP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (không có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Chi bộ được xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ năm 2024. Đồng chí Trần Thị Minh Tuyết - Phó Bí thư chi bộ được Quận uỷ Nam Từ Liêm tặng Giấy khen “Đã có thành tích xuất sắc trong Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 10 năm. Đồng chí Hoàng Thị Hằng - Đảng viên đạt giải Khuyến khích trong Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng của Đảng
- Năm học 2024 – 2025, trường có 02 HS được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. - Công đoàn tổ chức tốt các cuộc vận động, cuộc thi do Công đoàn ngành chỉ đạo, đạt chỉ tiêu đơn vị vững mạnh, tiếp tục đề nghị Công đoàn ngành giáo dục công nhận đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”. - Năm học 2024 - 2025, Đoàn thanh niên nhà trường đạt danh hiệu “Đoàn Thanh niên dẫn đầu khối trường học trên địa bàn Quận Nam Từ Liêm”, được đề nghị Trung ương Đoàn tặng Bằng khen, Thành đoàn tặng Cờ thi đua và Bằng khen, Quận Đoàn Nam Từ Liêm khen thưởng. Năm học 2024 - 2025 được đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Thành Đoàn.
- Nhà trường được Quận Nam Từ Liêm công nhận là Trường tiên tiến xuất sắc về công tác Y tế chữ thập đỏ và an toàn trường học; Trường tiên tiến xuất sắc về công tác Thể dục thể thao. Công an thành phố đề nghị tặng Giấy khen về thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đoàn Minh Châu